TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2019/DS - PT
Ngày: 11/9/2019
V/v "tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2019/TLPT - DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 206/2018/QĐ – PT ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc D*, sinh năm: 1965; (có mặt)

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chổ ở hiện nay: ấp N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T*, sinh năm: 1951; (có mặt)

Địa chỉ: ấp S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trương Thị Ngọc D và bị đơn Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Trương Thị Ngọc D trình bày:

Khoảng 06 giờ sáng ngày 27/9/2018 bà D có điều khiển xe môtô biển số 71B1-704.48 lưu thông theo hướng từ thành phố B về huyện B đến khu vực ấp S, thị trấn G thì va chạm với xe đạp do bà T điểu khiển xe đạp lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả làm bà D bị thương – gãy xương phức tạp tại cẳng chân phải, vết thương hở tại cổ chân, vết thương mài ở bàn chân, dập thành bụng. Bà D phải nhập viện N điều trị từ ngày 27/9/2018 đến 01/10/2018 xuất viện, sau đó có tái khám 04 lần và cắt băng bột ngày 20/11/2018.

Tại thời điểm xảy ra tai nạn hai bên không có báo Công an để lập biên bản sự việc. Đến ngày 10/10/2018 bà D có đơn gửi Công an huyện G để được giải quyết. Ngày 06/12/2018 Công an huyện có mời bà D và bà T lên để thông báo vụ tai nạn giao thông với nội dung bà T điểu khiển xe đạp ngược chiều vi phạm quy định giao thông đường bộ. Bà D có yêu cầu bà T bồi thường cho bà D một khoản tiền là 12.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý và chỉ đồng ý bồi thường cho bà D số tiền là 6.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận được, nên bà D khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ bồi thường cho bà D các khoản tiền như sau:

Hóa đơn, chứng từ toa thuốc là 3.632.000 đồng; chi phí thuê xe và tiền xăng là 1.700.000 đồng; mất thu nhập của người chăm sóc bà D trong thời gian nằm viện là 05 ngày, đêm với số tiền là 2.500.000 đồng; chi phí mất thu nhập của người chăm sóc bà D sau khi xuất viện trong thời gian 01 tháng là 12.000.000 đồng; chi phí mất thu nhập của bà D trong thời gian 03 tháng là 15.000.000 đồng; chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe của bà D trong thời gian 03 tháng là 6.000.000 đồng; chi phí mua nạn gỗ là 120.000 đồng; chi phí mua dụng cụ nhập viện là 500.000 đồng; chi phí sửa xe là 1.740.000 đồng; chi phí mua bảo hiểm y tế của năm 2017 là 702.000 đồng và năm 2018 là 751.000 đồng. Tổng số tiền bà D yêu cầu bà T có nghĩa vụ bồi thường là 44.645.000 đồng. Ngoài ra bà D yêu cầu bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào khoảng 06 giờ ngày 27/9/2018 bà T có điều khiển xe đạp đưa cháu nội đi học. Do bà T điều khiển xe đi ngược chiều nên có xảy ra va chạm với xe mô tô của Dung điều khiển theo hướng từ thành phố B về huyện B. Khi va chạm làm hai bên đều bị ngã xe và có té xuống đường. Bà T cho rằng bà có lỗi là điều khiển xe ngược chiều đã gây ra tai nạn cho bà D. Tại biên bản Công an giải quyết tai nạn giao thông bà T đồng ý bồi thường cho bà D 6.000.000 đồng, bà D yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D trong quá trình giải quyết vụ án thì bà T chỉ đồng ý bồi thường các khoản sau: Chi phí toa thuốc điều trị là 826.000 đồng; chi phí

mất thu nhập của người chăm sóc bà D trong thời gian điều trị tại bệnh viện là 05 ngày, mỗi ngày bà chỉ đồng ý bồi thường 170.000 đồng với số tiền là 850.000 đồng; chi phí mua nạn gỗ 120.000 đồng; chi phí mua bảo hiểm y tế của năm 2018 là 751.000 đồng; chi phí thuê xe, đổ xăng xe 1.700.000 đồng; chi phí sửa xe 1.000.000 đồng; chi phí mua dụng cụ nhập viện 250.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà T đồng ý bồi thường cho bà D là 5.497.000 đồng. Còn lại các khoản yêu cầu khác của bà D, bà T không chấp nhận bồi thường.

Tại Bản án số 73/2019/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

Buộc Nguyễn Thị T bồi thường cho bà Trương Thị Ngọc D tổng số tiền là 16.847.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/7/2019 bị đơn Nguyễn Thị T kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà T chỉ đồng ý bồi thường cho bà D tiền mất thu nhập với số tiền 6.890.000 đồng, không đồng ý bồi thường khoản tiền mất thu nhập của bà D số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 27/6/2019 nguyên đơn Trương Thị Ngọc D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu bà T bồi thường cho bà số tiền 38.945.000 đồng gồm: Chi phí chữa bệnh tổng cộng 11.645.000 đồng, chi phí mất thu nhập của người chăm sóc 12.000.000 đồng, chi phí mất thu nhập của người bị thương là 15.300.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: bà T và bà D kháng cáo mà không cung cấp được chứng cứ mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T và bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào khoảng 06 giờ ngày 27/9/2018 bà D điều khiển xe mô tô biển số 71B1-70448 lưu thông theo hướng từ thành phố B đến huyện B va chạm với xe đạp do bà T

điều khiển ngược chiều, tai nạn xảy ra tại khu vực ấp S, thị trấn G, huyện G. Bà D bị gãy xương phức tạp tại cẳng chân, vết thương hở tại ngón chân không có tổn thương móng, dập thành bụng phải nằm viện điều trị. Sự việc xảy ra bà T không đến thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bà D, nên ngày 10/10/2018 bà D gửi đơn đến Công an huyện G, yêu cầu xác minh, xử lý vụ tai nạn giao thông. Công an đã tiến hành dựng lại hiện trường, khám nghiệm hiện trường, ghi lời khai những người liên quan, người làm chứng và xác định nguyên nhân tai nạn là do bà T điều khiển xe đạp, đi vào đường cấm, đi ngược chiều. Bà T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về lỗi gây ra tai nạn giao thông theo quy định điểm e khoản 4 Điều 8 của Nghị định 46/2016/NĐ-CP, với mức phạt là 150.000 đồng. Như vậy, bà T là người có lỗi vô ý gây ra thiệt hại, do đó bà D yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Trương Thị Ngọc D yêu cầu bà Nguyễn Thị T bồi thường tổng số tiền là 38.945.000 đồng.

- Hóa đơn, chứng từ toa thuốc điều trị là 3.632.000 đồng:

Bà D nhập viện vào ngày 27/9/2018, ra viện ngày 01/10/2018. Sau đó bà D tái khám 04 lần theo sự chỉ định của bác sĩ vào ngày 08/10/2018, 23/10/2018, 06/11/2018, 20/11/2018 nên có cơ sở chấp nhận các khoản tiền viện phí, tiền thuốc như sau: Tiền cấp cứu chụp X- Quang chân ngực tại Bệnh viện G là 61.000 đồng, thanh toán ra viện 329.000 đồng, hóa đơn tiền thuốc ngày 08/10/2018 là 72.000 đồng, hóa đơn tiền thuốc ngày 23/10/2018 là 44.000 đồng với tổng số tiền 506.000 đồng. Các hóa đơn ngày 27/11/2018 tại quầy 707 với số tiền 160.000 đồng, ngày 08/12/2018 tại quầy 707 với số tiền 160.000 đồng hai hóa đơn này bà D mua sau khi ngày cắt băng bột và không còn tái khám nữa, nhưng bà T đồng ý bồi thường với số tiền 320.000 nên ghi nhận. Đối với các hóa đơn tiền thuốc khác và giấy xác nhận mua thuốc bà D cung cấp với tổng số tiền 2.806.000 đồng, về thời gian bà D mua thuốc đều trong thời gian bà D còn điều trị, tái khám tại bệnh viện N (từ ngày 27/9/2018 đến 20/11/2018). Trong thời gian điều trị bệnh viện đã cấp đủ thuốc cho bà D, bác sĩ không chỉ định bà D phải mua thêm thuốc. Vì vậy, việc bà D mua thêm thuốc không có sự chỉ định của bác sĩ với tổng số tiền 2.806.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Cấp sơ thẩm chấp nhận tổng số tiền thuốc bà D yêu cầu là 826.000 đồng là phù hợp.

- Chi phí mua dụng cụ nhập viện 500.000 đồng.

Bà D trình bày mua dụng cụ như bình thủy, gối... để nhập viện nhưng không cung cấp hóa đơn chứng từ mua dụng cụ nhập viện, những dụng cụ này cũng không phải là dụng cụ cần thiết phải mua mới để nằm viện nên không có cơ sở xem xét, nhưng bà T đồng ý bồi thường 250.000 đồng nên được ghi nhận.

- Chi phí mua nạn gỗ 120.000 đồng.

Bà D không cung cấp được chứng cứ chứng minh chi phí này nhưng bà T đồng ý bồi thường nên ghi nhận.

- Chi phí thuê người nuôi bệnh 05 ngày nằm viện là 2.500.000 đồng.

Bà D cho rằng thuê bà V chăm sóc bà cả ngày đêm với chi phí 2.500.000 đồng. Bà T chỉ đồng ý bồi thường 170.000 đồng/người/ngày với thời gian 05 ngày. Theo xác nhận mức thu nhập trung bình của lao động phổ thông tại địa phương đối với nữ là 170.000đồng/người/ngày. Bà D cho rằng thuê một người nữ nuôi cả ngày đêm nên cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận số tiền 170.000 đồng/ngày và đêm là 340.000 đồng x 5 ngày, đêm là 1.700.000 đồng là phù hợp.

- Chi phí xe ô tô và tiền xăng đi lại khám bệnh là 1.700.000 đồng:

Bà D yêu cầu bà T bồi thường tiền xe ô tô và tiền xăng 1.700.000 đồng, bà T đồng ý nên ghi nhận.

- Chi phí sửa xe là 1.740.000 đồng.

Chi phí bà D sửa xe mô tô biển số 71B1-704.48 do bà T gây tai nạn. Theo biên bản khám xe mô tô biển số 71B1-70448 lập ngày 12/11/2018 của Công an xác định: Đèn chuyển hướng bên trái bị vỡ kích thước (8x5)cm; bửng trước bên trái bị trầy xước (50 x 3)cm; mặt ngoài gác chân sau bên trái có vết trầy xước kích thước (02 x 0,5)cm, có sự chứng kiến và ký tên của ông Bạch Kiến P là người đại diện cho bà D, nên có cơ sở chấp nhận việc bà D sửa xe các bộ phận như: Bộ đèn 350.000 đồng, vè trước 250.000 đồng, bộ gác chân bên trái 150.000 đồng và bộ gác chân bên phải 150.000 đồng, tiền công 100.000 đồng (theo hóa đơn chi phí sửa của cửa hàng H). Tổng cộng là 1.000.000 đồng, bà T đồng ý bồi thường 1.000.000 đồng là phù hợp. Bà D yêu cầu các khoản chi phí sửa xe khác nhưng biên bản khám xe không thể hiện bị hư hỏng nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp.

- Chi phí mua bảo hiểm y tế năm 2017 là 702.000 đồng và mua bảo hiểm y tế năm 2018 là 751.000 đồng

Đối với khoản tiền bà D mua bảo hiểm y tế không phải là thiệt hại thực tế xảy ra từ việc bà T gây tai nạn cho bà D nên không được chấp nhận là phù hợp. Tuy nhiên bà T đồng ý bồi thường cho bà D số tiền mua bảo hiểm năm 2018 là 751.000 đồng nên ghi nhận.

- Chi phí mất thu nhập của người chăm sóc bà D trong thời gian 01 tháng sau khi xuất viện với số tiền là 12.000.000 đồng.

Theo hồ sơ thể hiện bà D bị gãy xương phức tạp tại cẳng chân, vết thương hở tại ngón chân không có tổn thương móng, dập thành bụng. Xét thấy với thương tích của bà D nằm viện 05 ngày và sau khi xuất viện về nhà thì bà sử dụng nạn gỗ và tự sinh hoạt được. Bà D cho rằng ông Bạch Kiến P phải nghỉ làm chăm sóc bà nhưng giữa bà

và ông P không có quan hệ thân nhân, lời trình bày của bà và ông P cũng không có chứng cứ chứng minh, bà T cũng không đồng ý khoản bồi thường này nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là phù hợp.

- Chi phí mất thu nhập của bà D trong thời gian 03 tháng là 15.300.000 đồng.

Bà D nhập viện vào ngày 27/9/2018 đến 01/10/2018 xuất viện và được tái khám 04 lần đến ngày 20/11/2018 tháo băng, trong khoảng thời gian này là 01 tháng 23 ngày, nhưng để tạo điều kiện cho bà D phục hồi vết thương sau khi tháo băng cấp sơ thẩm đã xem xét cho bà D thêm 07 ngày, tính tròn 02 tháng là phù hợp. Theo quy định của pháp luật, thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại nếu mức thu nhập thực tế của người thiệt hại không ổn định và không xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại. Bà D làm nghề tự do, có mức thu nhập không ổn định, tại cấp sơ thẩm bà yêu cầu mức bồi thường 5.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu tính theo mức thu nhập trung bình của lao động phổ thông nữ tại địa phương là 170.000 đồng/ngày. Thấy rằng yêu cầu này là không có căn cứ vì tại cấp sơ thẩm bà không có trình bày vấn đề này, trong đơn kháng cáo cũng không có nêu rõ có thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không có cơ sở xem xét, giữ nguyên mức bồi thường như cấp sơ thẩm là 10.000.000 đồng.

- Chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho bà D trong thời gian 03 tháng là 6.000.000 đồng.

Tài liệu bà D cung cấp là giấy xác nhận của bà T1, bà H1 với nội dung sau khi bị tai nạn giao thông thì hàng ngày bà D có mua đồ như thịt cá, rau, củ, sữa trái cây, mỗi ngày mua khoảng từ 60.000 đồng đến 70.000 đồng suốt trong 3 tháng với số tiền 6.000.000 đồng. Tài liệu bà D cung cấp thể hiện cho việc bà mua thực phẩm ăn uống hàng ngày, vì nếu bà không bị tai nạn thì hàng ngày bà cũng phải chi các khoản tiền trên để phục vụ cho việc ăn uống của mình. Hội đồng xét xử đã xem xét tiền mất thu nhập cho bà D trong thời gian điều trị vết thương là 02 tháng để bà sử dụng chi tiêu cho cá nhân. Do vậy, không có cơ sở xem xét khoản yêu cầu này cho bà. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xem xét trong thời gian nằm viện 05 ngày bà D cũng cần có khoản tiền để bồi dưỡng phục hồi sức khỏe nên xem xét chấp nhận cho bà tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe mỗi ngày là 100.000 đồng với số tiền 500.000 đồng là phù hợp, bà T cũng đồng ý khoản này không kháng cáo nên ghi nhận.

Từ những nhận định nêu trên, bà D kháng cáo mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T về không đồng ý bồi thường khoản tiền mất thu nhập của bà D số tiền 10.000.000 đồng.

Như đã phân tích trên, mức thu nhập trung bình của lao động phổ thông nữ tại địa phương là 170.000 đồng/ngày và theo điểm b khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm

2005 thì đây là yêu cầu hợp lý của bà D, phù hợp quy định pháp luật nên kháng cáo của bà T là không có cơ sở không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Bà D và bà T thuộc trường hợp được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ khoản 1 Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

2. Buộc Nguyễn Thị T bồi thường cho bà Trương Thị Ngọc D tổng số tiền là 16.847.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T, bà D đều được miễn án phí.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T, bà D đều được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương